

Bản án số: 164/2021/HS-ST

Ngày 03 - 12 - 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Nguyên

2. Ông Nguyễn Văn Hợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Việt Hưng - Chức vụ: Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 160/2021/HSST, ngày 16 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2021/HSST- QĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **PHẠM THỊ T** (Tên gọi khác: Không); sinh năm 1991 tại: Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT và nơi thường trú: Xóm M, xã H, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn H, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965; Gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ nhất; Có chồng là Hà Văn A, sinh năm 1992 và có 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không, hiện bị cáo đang được tại ngoại tại địa phương (Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào).

(Có mặt)

2. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN P** (Tên gọi khác: Không); sinh năm 1979 tại: Bắc Giang; Nơi ĐKKHKT và nơi thường trú: Thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1955; Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ hai; Có vợ là Phan Thị L, sinh năm 1982 và có hai con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; hiện bị cáo đang được tại ngoại tại địa phương (bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào).

(Có mặt)

- *Bị hại*: Công ty TNHH R Thái Nguyên thuộc Khu công nghiệp Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Đại diện theo pháp luật là ông: L, Chức vụ: Tổng Giám đốc

- *Đại diện theo ủy quyền* (Văn bản ủy quyền đề ngày 16/8/2021):

Anh Dương Nghĩa H, sinh năm 1985

Chức vụ: Nhân viên phòng hành chính nhân sự.

Nơi thường trú: Xóm N, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

- *Người làm chứng*:

1. Anh Bùi Chí C, sinh năm 1991

Nơi thường trú: TDP C, phường B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Bá V, sinh năm 1981

Nơi thường trú: Xóm P, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

3. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1975

Nơi thường trú: Xóm G, xã H, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

4. Anh Nguyễn Xuân T2, sinh năm 1975

Nơi thường trú: Xóm G, xã H, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị T, sinh năm 1991, trú tại: Xóm M, xã H, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên là công nhân làm việc tại bộ phận kho nguyên vật liệu của công ty TNHH R Thái Nguyên, thuộc KCN Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Nguyễn Văn P, sinh

năm 1979, trú tại: Thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang là công nhân (lái xe) của Công ty TNHH R - Chi nhánh B.

Đầu tháng 8/2021, trong quá trình làm việc, Phạm Thị T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản là các loại phế thải của công ty mang ra ngoài bán lấy tiền tiêu sài. T đã đi tìm và đến cửa hàng thu mua phế liệu của chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1975, Trú tại: xóm G, xã H, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên để hỏi giá bán của các loại phế liệu. Đến ngày 15/8/2021, T tự ý đóng các loại phế thải gồm khay nhựa, thiếc đầu mẫu dây điện, giấy bóng thành 02 (hai) palet với mục đích trộm cắp và vụn (không hiểu nghĩa), gửi theo xe chở nguyên vật liệu do P điều khiển ra ngoài.

Khoảng 10 giờ ngày 16/8/2021, Nguyễn Văn P điều khiển xe ô tô tải thùng kín BKS: 20LD-003.70 từ Công ty TNHH R - chi nhánh B đến Công ty TNHH R Thái Nguyên để chở nguyên vật liệu. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, T gọi điện cho P để đặt vấn đề và bàn bạc về việc P giúp t chở 02 palet hàng phế thải theo xe ô tô ra ngoài bán lấy tiền tiêu sài. Khi bán được thì T sẽ chia cho P tiền tùy theo số tiền bán được nhiều hay ít, P đồng ý. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, sau khi P đi nhận 08 (tám) palet nguyên vật liệu thì điều khiển xe ô tô BKS: 20LD-003.70 đến trước cửa kho nơi T làm việc. Lúc này, T lần lượt kéo 02 (hai) palet hàng phế thải đã chuẩn bị từ tầng 02 xuống tầng 01 để cho lên thùng xe, Khi đó, T nhờ anh Bùi Chí C, sinh năm 1991, trú tại: TDP C, phường B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (là công nhân lái xe nâng) đến nâng giúp 02 palet lên thùng xe ô tô của P. Sau đó, T bảo P đưa cho tờ giấy ra cổng thì T thấy trên giấy ghi “8 palet NVL”. T đã tự viết thêm vào giấy ra cổng nội dung “+ 2 palet NVL” và đưa cho P với mục đích để ra khỏi công ty khi bảo vệ kiểm tra. Sau đó, P và T lên xe đi ra cổng thì T xuống xe, P đi vào phòng bảo vệ để xuất trình giấy ra cổng. Khi lực lượng bảo vệ kiểm tra thấy đủ số lượng 10 palet như trên giấy thể hiện nên cho P điều khiển xe ra ngoài công ty. Lúc này, P và T cùng lên xe thì P điều khiển xe ô tô BKS: 20LD-003.70 đi bán phế liệu theo sự chỉ dẫn của T. P điều khiển xe đến cửa hàng thu mua phế liệu của chị T1 thì được chị T1 mở cổng. Sau khi xe đi vào cửa hàng thì chị T1 đóng cổng lại. Tại đây, có T, P, chị T1 và anh Nguyễn Xuân T2, sinh năm 1975, Trú tại: xóm G, xã H, thị xã P (chồng chị T1), P mở cửa thùng xe thì T nhờ anh T2 cùng dỡ 02 palet hàng phế thải xuống đất và P đóng thùng xe lại.

Trước đó, anh Dương Nghĩa H, sinh năm 1985, trú tại: xóm N, Xuân P, P, Thái Nguyên (là nhân viên phòng hành chính nhân sự Công ty TNHH R Thái Nguyên) phát hiện T đi cùng xe ô tô với P ra ngoài không đúng quy định nên nghi ngờ và đi theo xe ô tô BKS: 20LD-003.70. Anh H đến cửa hàng thu mua phế liệu của chị T1 gọi cổng thì được chị T1 ra mở cổng. Anh H đi vào và phát hiện T và P trộm cắp hàng phế thải mang đi bán nên yêu cầu T và P cho toàn bộ số hàng đã dỡ xuống lên thùng xe để chở về công ty. P điều khiển xe chở T cùng toàn bộ nguyên vật liệu, hàng phế thải về công ty thì Anh H được ủy quyền của Tổng giám đốc Công ty TNHH R Thái Nguyên trình báo Công an huyện Phú Bình giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hồi 18 giờ 15 phút ngày 16/8/2021, tại công ty TNHH R Thái Nguyên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình tiến hành cân xác định khối lượng đối với các vật chứng gồm: Khay nhựa, giấy bóng, thiếc vụn và đầu mẩu dây điện, cụ thể: Khay nhựa có khối lượng 289,5kg, giấy bóng có khối lượng 105kg, thiếc vụn có khối lượng 6,5kg, đầu mẩu dây điện có khối lượng 04kg.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 71/KL-HĐĐGTS ngày 30/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Phú Bình kết luận các vật chứng nêu trên có giá trị 4.187.750 đồng.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản sự việc, vật chứng thu giữ, lời khai của người làm chứng, đại diện của bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 xe ô tô tải thùng kín BKS: 20LD-003.70; 289,5 kg khay nhựa; 105 kg giấy bóng; 6,5 kg thiếc vụn; 04 kg đầu mẩu dây điện. Hiện các vật chứng trên đã được trả lại cho anh Dương Nghĩa H là người đại diện hợp pháp của công ty TNHH R Thái Nguyên quản lý, sử dụng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A71, màu đen, lắp sim số 0967026166, cũ đã qua sử dụng, được niêm phong trong bì thư ký hiệu “ĐT1”; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone XSMax 64GB, màu đen, lắp sim số 0378534233, cũ đã qua sử dụng được niêm phong trong túi niêm phong mã số: PS3 2034260, ký hiệu PS3 hiện đang được lưu giữ, bảo quản tại kho vật chứng của Công an huyện Phú Bình chờ xử lý.

Về phân trách nhiệm dân sự: Đại diện của bị hại là anh Dương Nghĩa H không có yêu cầu, đề nghị gì, vấn đề dân sự đã được giải quyết.

Bản cáo trạng số 170/CT-VKSPB, ngày 15/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên truy tố các bị cáo Phạm Thị T và Nguyễn Văn P về tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã kết luận: Giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo, đề nghị với Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị T và Nguyễn Văn P đều phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo: Phạm Thị T từ 18 tháng đến 24 tháng

tù, cho hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Văn P từ 15 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu do đó không xem xét giải quyết.

Xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước những chiếc điện thoại của các bị cáo dùng vào việc phạm tội và buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Kết thúc phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Đối với việc vắng mặt người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại, đại diện của bị hại, người làm chứng của vụ án. Hội đồng xét xử thấy, đại diện của bị hại có đơn xin xử vắng mặt và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật và những người làm chứng vắng mặt không có lý do và việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến giải quyết toàn diện vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[3]. Về căn cứ kết tội đối với các bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của các bị cáo đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố và phù hợp với chính lời khai của các bị cáo, lời khai của người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Khoảng 15 giờ ngày 16/8/2021, tại Công ty TNHH R Thái Nguyên thuộc KCN Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, các bị cáo Phạm Thị T và Nguyễn Văn P đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp 289,5 kg khay nhựa, 105 kg giấy bóng, 6,5 kg thiếc vụn và 04 kg đầu mẫu dây điện trị giá 4.187.750 đồng của công ty R, sau đó mang đến cửa hàng thu mua phế liệu của gia đình chị Nguyễn Thị T1 để bán, nhưng chưa kịp bán thì bị

anh Dương Nghĩa H phát hiện và trình báo đến Cơ quan Công an giải quyết theo quy định. Tài sản do các bị cáo trộm cắp đã được định giá là 4.187.750đ.

Như vậy, với hành vi và hậu quả nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo Phạm Thị T và Nguyễn Văn P đều phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Nội dung của Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

2....”

[4]. Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mức độ của tội phạm là ít nghiêm trọng, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất ổn định về an ninh trật tự ở địa phương. Hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý theo quy định của pháp luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, các bị cáo Phạm Thị T và Nguyễn Văn P đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần có một mức án tương ứng với nhân thân, tính chất mức độ phạm tội do từng bị cáo gây ra và không cần thiết áp dụng biện pháp cải tạo cách ly đối với các bị cáo mà có thể áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo Phạm Thị T và Nguyễn Văn P được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách là cũng đủ tác dụng cải

tạo, giáo dục và răn đe phòng ngừa chung nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật nhà nước. Đồng thời cần tuyên rõ hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

[5]. Căn cứ vào Điều 123 của Bộ luật hình sự: Hội đồng xét xử cần ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Phạm Thị T và Nguyễn Văn P, buộc các bị cáo không được phép đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 03 tháng 12 năm 2021 cho đến khi chấp hành án. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để quản lý, theo dõi.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận được tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường khoản thiệt hại nào khác, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8]. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xử lý vật chứng như sau:

Tịch thu sung quỹ nhà nước vật chứng dùng làm phương tiện phạm tội gồm: 01 (một) bì niêm phong còn nguyên vẹn có dấu đỏ ký hiệu ĐT1 ngoài bì thư có ghi 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A71 màu đen, có lắp sim máy cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Văn P và 01 (một) túi niêm phong còn nguyên vẹn có dấu đỏ mã số PS3- 2034260 ngoài túi niêm phong có ghi 01 điện thoại di động nhãn hiệu I phone XS MAX màu đen 64GB máy cũ đã qua sử dụng của Phạm Thị T.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/12/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện Phú Bình và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình).

[9]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với các bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và biện pháp cải tạo, xử lý vật chứng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[10]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Cần buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

[11]. Thông báo về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và đại diện theo của bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật :

- Khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Thị T và Nguyễn Văn P;

- Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 123; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 92, Điều 93 của Luật Thi hành án hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị T và Nguyễn Văn P đều phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt chính: Xử phạt

Phạm Thị T **18** (Mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **36** (Ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 03 tháng 12 năm 2021).

Nguyễn Văn P **15** (Mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **30** (Ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 03 tháng 12 năm 2021).

Giao bị cáo Phạm Thị T cho Ủy ban nhân dân xã H, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Nguyễn Văn P cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (là các bị cáo Phạm Thị T và Nguyễn Văn P) nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ **02** lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 93 của Luật thi hành án hình sự.

3. Ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Phạm Thị T và Nguyễn Văn P: Buộc các bị cáo không được phép đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 03 tháng 12 năm 2021 cho đến khi các bị cáo đi chấp hành án. Giao bị các cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để quản lý, theo dõi.

4. Xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Tịch thu sung quỹ nhà nước vật chứng dùng làm Phương tiện phạm tội gồm:

01 (một) bì niêm phong còn nguyên vẹn có dấu đỏ ký hiệu ĐT1 ngoài bì thư có ghi 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A71 màu đen, có lắp sim máy cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Văn P và 01 (một) túi niêm phong còn nguyên vẹn có dấu đỏ mã số PS3- 2034260 ngoài túi niêm phong có ghi 01 điện thoại di động nhãn hiệu I phone XS MAX màu đen 64GB máy cũ đã qua sử dụng của Phạm Thị T.

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Phạm Thị T và Nguyễn Văn P đều phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo phải nộp là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước.

6. Thông báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo (Phạm Thị T và Nguyễn Văn P). Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Vắng mặt bị hại và đại diện của bị hại (anh Dương Nghĩa H). Báo cho những người này biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện Phú Bình;
- Cơ quan điều tra CA huyện Phú Bình;
- CQTHAHS Công an huyện Phú Bình;
- CC T.H.A DS huyện Phú Bình;
- Các bị cáo Bị hại, Đại diện của bị hại;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ích Yên